

Số: 179 /2014/TTLT-BTC-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2014

| |
|-------------------------|
| VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ |
| CÔNG VĂN ĐẾN |
| Giữ... ngày... 11/12 |
| Kính chuyển: TT(2)..... |

| | |
|----------------------------------|----------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ | |
| ĐẾN | Số: C..... |
| | Ngày: 11/12... |

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn sử dụng kinh phí cho hoạt động kiểm kê đất đai,
lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 4 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn sử dụng kinh phí cho hoạt động kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn sử dụng kinh phí cho hoạt động kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.

2. Đối tượng áp dụng

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã);

b) Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan đến việc sử dụng kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.

Điều 2. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại điểm 2 Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.

Riêng đối với đất lâm nghiệp của các địa phương thuộc phạm vi đến năm 2015 hoàn thành kiểm kê rừng theo Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016”, phải sử dụng kết quả kiểm kê của Dự án trên để rà soát, bổ sung, chỉnh lý biến động về diện tích, đối tượng quản lý sử dụng (nếu có); không thực hiện kiểm kê lại.

Điều 3. Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014

1. Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp kinh tế của ngân sách trung ương năm 2015.

2. Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã) được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp kinh tế của ngân sách địa phương năm 2015 theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Đối với các địa phương khó khăn về nguồn kinh phí, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ một phần từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự toán chi thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này; phối hợp với Bộ Tài chính đề xuất nguyên tắc, mức hỗ trợ đối với các địa phương khó khăn về nguồn kinh phí để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện công tác kiểm kê đất đai của Bộ, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, phải theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán kinh phí kiểm kê theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nội dung chi hoạt động kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014

1. Nội dung chi ở trung ương:

a) Nội dung chi hoạt động do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

- Xây dựng phương án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cả nước năm 2014; xây dựng tài liệu hướng dẫn kiểm kê;

- Cung cấp ảnh viễn thám, bình đồ ảnh viễn thám phục vụ công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cho 241 xã chưa có bản đồ địa chính thuộc khu vực tập trung đất lúa của 06 tỉnh, thành phố thuộc vùng

Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực có bãi bồi ven biển của 215 xã thuộc 13 tỉnh, thành phố;

- In ấn tài liệu hướng dẫn kiểm kê đất đai và tập huấn kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp tỉnh;

- Tuyên truyền về kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở địa phương;

- Thẩm định kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, thành phố;

- Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai trên phạm vi cả nước;

- Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp vùng và cả nước;

- Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất đai và xây dựng báo cáo đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất của các vùng và cả nước;

- Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của cả nước;

- Nâng cấp phần mềm tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai;

- In, nhân sao, lưu trữ sản phẩm kiểm kê đất đai;

- Tổng kết, công bố số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của cả nước.

b) Nội dung chi do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện:

- Xây dựng phương án kỹ thuật, kế hoạch kiểm kê đất an ninh, đất quốc phòng;

- In ấn tài liệu hướng dẫn kiểm kê đất đai, cung cấp các bảng biểu kiểm kê đất đai;

- Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn kiểm kê đất đai cho các đơn vị trực thuộc;

- Thực hiện rà soát, chỉnh lý bổ sung, thống nhất số liệu về hiện trạng sử dụng đất của các đơn vị quốc phòng, an ninh;

- Chỉ đạo, kiểm tra thực hiện tại các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

- Tổng hợp số liệu; báo cáo kết quả; tổng kết việc thực hiện.

2. Nội dung chi ở địa phương:

a) Nội dung công việc thực hiện ở cấp tỉnh:

- Xây dựng phương án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh (bao gồm cả cấp huyện, xã);

- Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ (bao gồm cả cấp huyện, xã);
 - In, nhân sao và cấp phát mẫu biểu kiểm kê, bản đồ (bao gồm cả cấp huyện, xã);
 - Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng;
 - Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai cấp tỉnh;
 - Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của cấp tỉnh;
 - Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất đai và xây dựng báo cáo đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất của cấp tỉnh;
 - Thẩm định kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện;
 - Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh;
 - In, nhân sao, lưu trữ, giao nộp sản phẩm kiểm kê đất đai;
 - Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra cấp huyện thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.
- b) Nội dung công việc thực hiện ở cấp huyện:
- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra cấp xã thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn cấp xã;
 - Thẩm định kết quả kiểm kê đất đai cấp xã;
 - Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai trên địa bàn cấp huyện;
 - Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp huyện;
 - Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất đai và xây dựng báo cáo đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất của cấp huyện;
 - Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện;
 - In, nhân sao, lưu trữ, giao nộp sản phẩm kiểm kê đất đai.
- c) Nội dung công việc thực hiện ở cấp xã:
- Công tác chuẩn bị phục vụ kiểm kê;
 - Tuyên truyền phổ biến chủ trương kiểm kê đất đai;
 - Điều tra, khoanh vẽ, chỉnh lý bổ sung các thông tin trên bản đồ;
 - Tổng hợp số liệu diện tích đất đai, lập hệ thống biểu kiểm kê đất đai theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và một số biểu mẫu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp xã;

- Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất đai của cấp xã;
- Kiểm tra, xác nhận kết quả tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai toàn xã;
- Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp xã;
- In, nhân sao, lưu trữ, giao nộp sản phẩm kiểm kê đất đai.

Điều 5. Mức chi

Mức chi thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và một số văn bản dưới đây:

1. Thông tư số 42/2014/TT-BTNMT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

2. Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 6. Lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí cho các hoạt động kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số nội dung sau:

1. Về lập dự toán:

a) Căn cứ vào nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 đã được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị lập dự toán kinh phí như sau:

- Đối với nội dung chi đã có định mức kinh tế - kỹ thuật: Dự toán kinh phí được xác định trên cơ sở khối lượng công việc nhân (x) đơn giá hiện hành.

- Đối với nội dung chi chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật: Dự toán kinh phí được lập căn cứ vào khối lượng công việc cụ thể, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ở Trung ương:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập dự toán kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các hoạt động do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm lập dự toán kiểm kê đất đai đối với các hoạt động do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Ở địa phương:

- Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào nội dung công việc, khối lượng cần thực hiện xây dựng phương án và dự toán kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, chi tiết theo cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, gửi Sở Tài chính thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo quy định hiện hành.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi nhu cầu kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của địa phương cho Bộ Tài nguyên và Môi trường; để tổng hợp và đề xuất mức hỗ trợ ngân sách trung ương cho từng địa phương theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 12 năm 2014 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Về giao dự toán:

a) Ở Trung ương: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành, đơn giá dự toán và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, thực hiện phê duyệt và giao dự toán kinh phí chi tiết cho các đơn vị thực hiện làm cơ sở rút dự toán.

b) Ở địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của địa phương trong phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2015.

Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành, đơn giá dự toán và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, thực hiện phê duyệt; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán kinh phí cho Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với nội dung thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở cấp tỉnh), cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với nội dung thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở cấp huyện, cấp xã). Ủy ban nhân dân cấp huyện giao dự toán kinh phí kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với nội dung thực hiện ở cấp xã).

3. Về chấp hành dự toán: Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

4. Về quyết toán kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, kể cả việc quản lý, nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng đã hoàn thành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015.

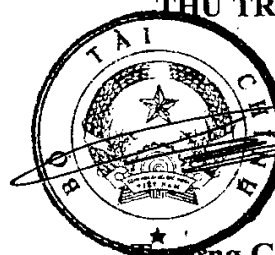
Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, địa phương phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Hiến

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TN và MT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử CP; Bộ TC; Bộ TN&MT;
- Lưu: VT Bộ Tài chính; Bộ TN&MT.